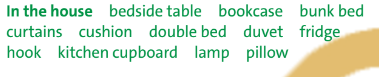
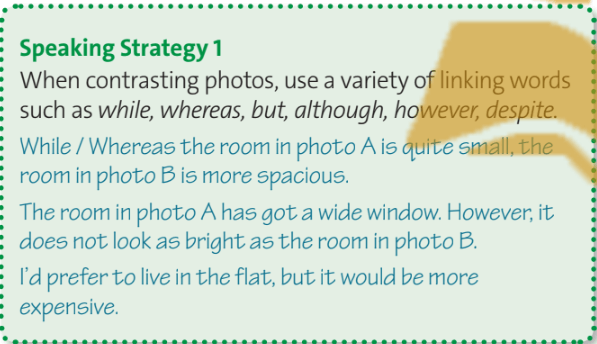
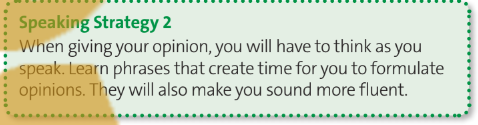
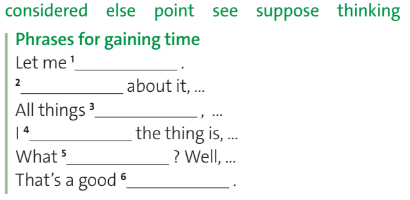
# Unit 4G. Speaking (trang 56)

**Tiếng Anh 11 Unit 4G Speaking trang 56 - Friends Global**   
**1 (trang 56 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: SPEAKING Which items from below can you see in the photos? (Những món đồ nào bên dưới bạn có thể nhìn thấy trong các bức ảnh?)  
  
  
**Đáp án:**  
bedside table, bunk bed, curtains, cushion, double bed, duvet, fridge, hook, kitchen cupboard, lamp, pillow  
**Hướng dẫn dịch:**  
In the house (Ở trong nhà)  
- bedside table: bàn cạnh giường ngủ  
- bookcase: tủ sách  
- bunk bed: giường tầng  
- curtains: rèm cửa  
- cushion: gối tựa  
- double bed: giường đôi  
- duvet: chăn bông  
- fridge: tủ lạnh  
- hook: cái móc  
- kitchen cupboard: tủ bếp  
- lamp: đèn  
- pillow: gối nằm  
  
**2 (trang 56 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: Read the task above. Then listen to a student doing the task. Which room does she prefer? Do you agree? Why? / Why not? (Hãy đọc yêu cầu bên dưới. Sau đó nghe 1 học sinh thực hiện yêu cầu. Cô ấy thích căn phòng nào hơn? Bạn có đồng tình không? Tại sao có? Tại sao không?)  
Compare and contrast the photos of student accommodation and say which you would prefer to live in. (So sánh và đối chiếu các bức tranh về chỗ ở của sinh viên và cho biết bạn muốn sống ở nơi nào hơn.)  
  
Audio 2.12  
**Đáp án:**  
She prefers room A. I agree with her. (Cô ấy thích căn phòng A hơn. Tôi đồng tình với cô ấy.)  
**Giải thích:**  
Chiến lược nói 1  
Khi so sánh các bức tranh với nhau, hãy dùng các liên từ như: while (trong khi), whereas (trong khi đó), but (nhưng), although (mặc dù), however (tuy nhiên), despite (mặc dù).  
Trong khi căn phòng ở bức tranh A khá nhỏ thì căn phòng ở bức tranh B rộng rãi hơn.  
Căn phòng ở bức tranh A có cửa sổ rộng. Tuy nhiên, nó không sáng sủa bằng căn phòng ở bức tranh B.  
Tôi muốn sống ở căn hộ hơn, nhưng nó sẽ đắt đỏ hơn.  
**Nội dung bài nghe:**  
Both photos show rooms. Photo A is of a room in a hostel, I think, whereas the second shows a small flat. There are bunk beds in the room in the hostel, but the other room has got a double bed. In photo A, I can also see some clothes and bags. I think photo B shows a one-bedroom flat because I can see a kitchen at the end of the room. While photo A shows a rather untidy room, the room in photo B is very tidy. The flat looks comfortable and the furniture is nice and modern. The room in the hostel looks quite cosy. However, the furniture looks a bit old and worn out.  
I think I’d prefer to live in the first room, in the hostel. I like the idea of sharing with other students, despite the lack of privacy. I think I’d need the company of other people. Not only that, I think the flat would be very expensive, while the hostel would be much cheaper.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Cả hai bức tranh đều là hình các căn phòng. Tôi nghĩ bức tranh A là một căn phòng trong ký túc xá, trong khi bức tranh thứ hai là một căn hộ nhỏ. Có giường tầng trong căn phòng ở ký túc xá, nhưng phòng kia có giường đôi. Trong bức tranh A, tôi cũng có thể thấy một số quần áo và túi xách. Tôi nghĩ bức tranh B chụp căn hộ một phòng ngủ vì tôi có thể thấy nhà bếp ở cuối phòng. Trong khi bức tranh A cho thấy một căn phòng khá bừa bộn thì căn phòng trong bức tranh B lại rất ngăn nắp. Căn hộ trông thoải mái và nội thất đẹp và hiện đại. Căn phòng trong ký túc xá trông khá ấm cúng. Tuy nhiên, đồ nội thất trông hơi cũ và mòn.  
Tôi nghĩ rằng tôi muốn sống trong căn phòng đầu tiên hơn, trong ký túc xá. Tôi thích ý tưởng chia sẻ phòng với các sinh viên khác, mặc dù thiếu sự riêng tư. Tôi nghĩ rằng tôi cần 1 nhóm người nữa. Không chỉ vậy, tôi nghĩ căn hộ sẽ rất đắt, trong khi ký túc xá sẽ rẻ hơn nhiều.  
  
**3 (trang 56 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: Choose the best linking words to complete the sentences. Then listen again and check your answers. (Chọn các từ liên kết phù hợp nhất để hoàn thành các câu. Sau đó nghe lại và kiểm tra câu trả lời của bạn.)  
Audio 2.12  
1. Photo A is of a room in a hostel, I think, **unless / whereas** the second shows a small flat.  
2. There are bunk beds in the room in the hostel, **but / when** the other room has got a double bed.  
3. **While / When** photo A shows a rather untidy room, the room in photo B is very tidy.  
4. The room in the hostel looks quite cosy. **However, / Whereas** the furniture looks a bit old and worn out.  
5. I like the idea of sharing with other students, **although / despite** the lack of privacy.  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
1. whereas  
  
  
2. but  
  
  
3. While  
  
  
4. However  
  
  
5. despite  
  
  
  
  
**Giải thích:**  
- unless: trừ khi  
- whereas: trong khi  
- but: nhưng  
- when: khi  
- however: tuy nhiên  
- while: trong khi  
- although + S + V: mặc dù  
- despite + V-ing/ N: mặc dù  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. Tranh A là một căn phòng trong ký túc xá, tôi nghĩ vậy, trong khi bức tranh thứ hai chụp một căn hộ nhỏ.  
2. Có giường tầng trong phòng của ký túc xá, nhưng phòng còn lại có giường đôi.  
3. Trong khi bức tranh A cho thấy một căn phòng khá bừa bộn thì căn phòng trong ảnh B lại rất ngăn nắp.  
4. Căn phòng trong ký túc xá trông khá ấm cúng. Tuy nhiên, đồ nội thất trông hơi cũ và sờn.  
5. Tôi thích ý tưởng chia sẻ phòng với các sinh viên khác, mặc dù thiếu sự riêng tư.  
  
**4 (trang 56 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: Read the task above. For each of the four points, think of one advantage of staying with a host family and one advantage of staying in university accommodation. (Đọc bài tập bên dưới. Đối với mỗi điểm trong bốn điểm, hãy nghĩ về một lợi ích khi ở với gia đình bản xứ và một lợi ích khi ở trong ký túc xá của trường đại học.)  
In his/ her gap year, a friend is going to spend three months studying English at a British university. He/ She can stay with a host family or in university accommodation with other foreign students. Your friend asks you for advice on the best option. Discuss these points:  
  
Convenience and cost  
Social life  
Opportunities to practise your English  
Getting to know Britain and British culture  
  
From the point of view of location and convenience, the university accommodation would be better because….  
From the point of view of cost, a host family would be better because….  
**Hướng dẫn dịch:**  
Trong một năm nghỉ ngơi, một người bạn sẽ dành ba tháng để học tiếng Anh tại một trường đại học ở Anh. Anh ấy / Cô ấy có thể ở với một gia đình chủ nhà hoặc ở trong trường đại học với các sinh viên nước ngoài khác. Bạn của bạn nhờ bạn tư vấn về lựa chọn tốt nhất. Thảo luận về những điểm sau:  
  
Sự tuận tiện và chi phí  
Đời sống xã hội  
Cơ hội thực hành Tiếng anh  
Tìm hiểu nước Anh và văn hóa nước Anh  
  
Từ góc nhìn về vị trí và sự thuận tiện, chỗ ở của trường đại học sẽ tốt hơn vì…  
Từ góc nhìn về chi phí, gia đình chủ nhà sẽ tốt hưn bởi vì…  
**Gợi ý:**  
Convenience and cost:  
- Advantage of staying in university accommodation: Convenient location near the university and affordable options may be available.  
- Advantage of staying with a host family: The family may provide meals and daily necessities, which can be more cost-effective.  
Social life:  
- Advantage of staying in university accommodation: More opportunities to socialize with other students and participate in events and activities.  
- Advantage of staying with a host family: More intimate experience with the local culture and customs through interaction with family members.  
Opportunities to practice English:  
- Advantage of staying in university accommodation: Exposure to academic setting with opportunities to participate in classroom discussions, study groups, and group projects.  
- Advantage of staying with a host family: Conversational English practice in a natural setting through daily interactions with family members.  
Getting to know Britain and British culture:  
- Advantage of staying in university accommodation: Exposure to local customs and traditions through interactions with local students and staff.  
- Advantage of staying with a host family: More immersive experience with British culture and daily life through living with a British family.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Convenience and cost (Tiện lợi và chi phí):  
- Lợi thế của việc ở trong kí túc xá của trường đại học: Vị trí thuận tiện gần trường đại học và có thể có các lựa chọn giá cả phải chăng.  
- Lợi thế khi ở cùng gia đình bản xứ: Gia đình có thể cung cấp các bữa ăn và nhu yếu phẩm hàng ngày, điều này có thể tiết kiệm chi phí hơn.  
Social life (Đời sống xã hội):  
- Lợi thế khi ở trong ký túc xá của trường đại học: Có nhiều cơ hội hơn để giao tiếp với các sinh viên khác và tham gia vào các sự kiện và hoạt động.  
- Lợi thế khi ở cùng gia đình bản xứ: Trải nghiệm gần gũi hơn với văn hóa và phong tục địa phương thông qua tương tác với các thành viên trong gia đình.  
Opportunities to practice English (Cơ hội thực hành tiếng Anh):  
- Lợi thế khi ở trong ký túc xá của trường đại học: Tiếp xúc với môi trường học thuật với cơ hội tham gia thảo luận trong lớp, học nhóm và dự án nhóm.  
- Lợi thế khi ở cùng gia đình bản xứ: Thực hành tiếng Anh giao tiếp trong môi trường tự nhiên thông qua tương tác hàng ngày với các thành viên trong gia đình.  
Getting to know Britain and British culture (Tìm hiểu về nước Anh và văn hóa Anh):  
- Lợi thế của việc ở trong ký túc xá của trường đại học: Tiếp xúc với phong tục và truyền thống địa phương thông qua tương tác với sinh viên và nhân viên địa phương.  
- Lợi thế khi ở với gia đình bản xứ: Trải nghiệm sâu sắc hơn về văn hóa và cuộc sống hàng ngày của Anh thông qua việc sống với một gia đình người Anh.  
  
**5 (trang 56 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: Listen to two students doing the task. Did they mention any of your ideas from exercise 4? Do you agree with their opinions? Why? / Why not? (Nghe hai học sinh làm bài. Họ có đề cập đến bất kỳ ý tưởng nào của bạn từ bài tập 4 không? Bạn có đồng ý với ý kiến của họ? Tại sao có? / Tại sao không?)  
Audio 2.13  
**Nội dung bài nghe:**  
Girl: I’m going to spend three months in the UK studying English at a British university. I can stay with a host family or in university accommodation. Can you give me some advice about which would be better?  
Boy: Yes, of course. Let me see. One advantage of staying in university accommodation is that it would be very convenient. You’d be on campus so you wouldn’t have to travel.  
G: Yes, that’s true, but I might have to share a room. And I’d have to buy meals. Do you think it might be more expensive than staying with a host family?  
B: I’m not sure about that. I think student canteens are quite cheap.  
G: What are the other advantages of university accommodation?  
B: I think the social life would be better. You’d be with a big group of students from all over the world. I think you’d make lots of new friends. You’d have lots of fun.  
G: That’s a good point. What are the benefits of staying with a host family, do you think?  
B: Well, you wouldn’t have to cook because you’d eat with the family. That would save a lot of time. What else? Well, with a host family you would speak lots of English so your English would improve.  
G: But the students in the university accommodation would all speak English together. English would be their common language.  
B: That’s true, but they aren’t native speakers, are they? I think it’s better to speak with native speakers.  
G: OK, you could be right.  
B: Thinking about it, there’s another advantage: you would experience the British way of life and learn about British culture.  
G: Yes, good point. All things considered, I suppose the host family would be better.  
B: I agree.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Cô gái: Tôi sẽ dành ba tháng ở Vương quốc Anh để học tiếng Anh tại một trường đại học của Anh. Tôi có thể ở với gia đình người bản xứ hoặc ở kí túc xá trong trường đại học. Bạn có thể cho tôi một số lời khuyên về cái nào sẽ tốt hơn được không?  
Chàng trai: Tất nhiên là được rồi. Để tôi xem nào. Một lợi thế của việc ở trong ký túc xá đại học là nó sẽ rất thuận tiện. Bạn sẽ ở trong khuôn viên trường nên bạn sẽ không phải di chuyển.  
G: Ừ, điều đó đúng, nhưng tôi có thể sẽ phải ở chung phòng. Và tôi phải trả tiền bữa ăn. Bạn có nghĩ rằng nó có thể đắt hơn so với ở với một gia đình bản xứ không?  
B: Tôi không chắc về điều đó. Tôi nghĩ căng tin sinh viên khá rẻ.  
G: Những lợi thế khác của ở kí túc xá đại học là gì?  
B: Tôi nghĩ đời sống xã hội sẽ tốt hơn. Bạn sẽ ở cùng với nhiều sinh viên từ khắp nơi trên thế giới. Tôi nghĩ bạn sẽ có nhiều bạn mới. Bạn sẽ có rất nhiều niềm vui.  
G: Đó là một điểm tốt. Theo bạn, lợi ích của việc ở với gia đình bản xứ là gì?  
B: Chà, bạn sẽ không phải nấu ăn vì bạn sẽ ăn cùng gia đình họ. Điều đó sẽ tiết kiệm rất nhiều thời gian. Còn gì nữa không nhỉ? À, ở với một gia đình bản xứ, bạn sẽ nói được nhiều tiếng Anh do đó tiếng Anh của bạn sẽ cải thiện.  
G: Nhưng các sinh viên trong ký túc xá của trường đại học sẽ nói tiếng Anh cùng nhau. Tiếng Anh sẽ là ngôn ngữ chung của họ.  
B: Điều đó đúng, nhưng họ không phải là người bản xứ, phải không? Tôi nghĩ sẽ tốt hơn nếu nói chuyện với người bản ngữ.  
G: OK, có thể bạn đúng.  
B: Nghĩ về điều đó, có một lợi thế khác: bạn sẽ trải nghiệm lối sống của người Anh và tìm hiểu về văn hóa Anh.  
G: Đúng, ý kiến hay. Sau khi cân nhắc mọi thứ, tôi cho rằng ở với gia đình bản xứ sẽ tốt hơn.  
B: Tôi đồng ý.  
  
**6 (trang 56 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: KEY PHRASES Read Speaking Strategy 2. Then complete the phrases with the words below. (Đọc Chiến lược nói 2. Sau đó hoàn thành các cụm từ với những từ dưới đây.)  
  
  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
1. see  
  
  
2. Thinking  
  
  
3. considered  
  
  
4. suppose  
  
  
5. else  
  
  
6. point  
  
  
  
  
**Hướng dẫn dịch:**  
Chiến lược nói 2  
Khi đưa ra ý kiến của mình, bạn sẽ phải suy nghĩ khi nói. Tìm hiểu các cụm từ kéo dài thời gian để bạn hình thành ý kiến. Chúng cũng sẽ làm cho bạn nói trôi chảy hơn.  
Phrases for gaining time (Các cụm từ để kéo dài thời gian):  
Let me see.: Để tôi xem nào.  
Thinking about it,…: Suy nghĩ về nó,…  
All things considered, …: Sau khi cân nhắc mọi thứ,…  
I suppose the thing is,…: Tôi cho rằng vấn đề là…  
What else? Well,…: Gì nữa nhỉ? À…  
That’s a good point.: Đó là ý hay đấy.  
  
**7 (trang 56 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: Listen again to both answers. Which phrases from exercise 6 did the students use? (Nghe lại cả hai câu trả lời. Học sinh đã sử dụng những cụm từ nào trong bài tập 6?)  
In the gap year, you are going to spend three months in the UK studying English. You are looking for a flat to rent. Ask your friend for advice. Discuss these points: (Trong năm nghỉ ngơi, bạn dự định dành 3 tháng ở Anh học tiếng Anh. Bạn đang tìm thuê 1 căn hộ. Hãy hỏi bạn của bạn để xin lời khuyên. Hãy thảo luận các điểm sau:)  
  
Location (Vị trí)  
Meals (Các bữa ăn)  
Cost (Chi phí)  
Sharing with other students (Chia sẻ với các sinh viên khác)  
  
Audio 2.13  
**Đáp án:**  
Phrases from exercise 6 the students used:  
Let me see.  
That’s a good point.  
What else? Well, …  
Thinking about it, …  
All things considered, …  
**Hướng dẫn dịch:**  
Các cụm từ trong bài tập 6 học sinh đã sử dụng:  
Let me see. (Để tôi xem nào.)  
That’s a good point. (Đó là ý hay đấy.)  
What else? Well, … (Gì nữa nhỉ? À…)  
Thinking about it, … (Suy nghĩ về nó,…)  
All things considered, …( Sau khi cân nhắc mọi thứ,…)  
  
**8 (trang 56 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: SPEAKING Work in groups. Read the task above and make notes for each of the four points that you have to cover. (Làm việc nhóm. Đọc đề bài bên trên và ghi chú cho từng điểm trong số bốn điểm mà bạn phải giải quyết.)  
**Gợi ý:**  
Location:  
- Ask for advice on neighborhoods that are safe and convenient for commuting to school.  
- Find out what transportation options are available in the area.  
Meals:  
- Ask for recommendations on affordable restaurants or cafes nearby.  
- Inquire about access to a kitchen to cook meals.  
Cost:  
- Ask for advice on how to save money on housing, such as finding a roommate or living in a less expensive area.  
- Consider additional expenses such as utilities and transportation.  
Sharing with other students:  
- Consider the benefits and drawbacks of living with roommates, such as splitting the cost of rent but potentially having less privacy.  
- Look for resources such as roommate finding websites to help you find a compatible roommate.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Location: (Vị trí)  
- Xin lời khuyên về những khu vực lân cận an toàn và thuận tiện cho việc đi lại đến trường.  
- Tìm hiểu những phương tiện giao thông có sẵn trong khu vực.  
Meals: (Các bữa ăn)  
- Hỏi về gợi ý các nhà hàng hoặc quán cà phê giá cả phải chăng gần đó.  
- Hỏi về việc sử dụng nhà bếp để nấu các bữa ăn.  
Cost: (Chi phí)  
- Xin lời khuyên về cách tiết kiệm tiền nhà, chẳng hạn như tìm bạn cùng phòng hoặc sống ở khu vực ít đắt đỏ hơn.  
- Xem xét các chi phí phát sinh như tiện ích và đi lại.  
Sharing with other students: (Chia sẻ với các sinh viên khác)  
- Xem xét những lợi ích và hạn chế của việc sống với bạn cùng phòng, chẳng hạn như chia sẻ chi phí thuê nhà nhưng có khả năng có ít sự riêng tư hơn.  
- Tìm kiếm các nguồn như trang web tìm bạn cùng phòng để giúp bạn tìm được bạn cùng phòng tương thích.  
**Xem thêm lời giải bài tập Tiếng Anh lớp 11 sách Friends Global hay khác:**  
Unit 4A. Vocabulary (trang 48, 49)  
Unit 4B. Grammar (trang 50)  
Unit 4C. Listening (trang 51)  
Unit 4D. Grammar (trang 52)  
Unit 4E. Word Skills (trang 53)  
Unit 4F. Reading (trang 54, 55)  
Unit 4H. Writing (trang 57)  
Unit 4I. Culture (trang 58)  
Review Unit 4 (trang 59)  
**Xem thêm lời giải bài tập Tiếng Anh lớp 11 sách Friends Global hay khác:**  
Unit I: Introduction  
Unit 1: Generations  
Unit 2: Leisure time  
Unit 3: Sustainable health